

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN LẠC  
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/8/2024

V/v tranh chấp: "Ly hôn, con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC - TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Khâm và ông Đỗ Hồng Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 259/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp "ly hôn, con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đặng Ngọc K, sinh năm 2000; Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện M, thành phố Hà Nội (có mặt);

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 2003; Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/11/2023, bản tự khai, quá trình giải quyết nguyên đơn anh Đặng Ngọc K trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn ngày 20/12/2021 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện M, Thành phố Hà Nội. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và có chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 7 năm 2021, kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về sống chung với gia đình anh tại Thôn T, xã V, huyện M, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống tình

cảm vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc nhưng được thời gian ngắn. Đến tháng 7 năm 2022 vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, chị H tính vãn trẻ con. Trong lời ăn tiếng nói và cách cư xử với bố mẹ anh không được lễ phép, thiếu sự tôn trọng dẫn đến giữa bố mẹ anh và chị H xảy ra mâu thuẫn. Bản thân anh đã nhiều lần động viên, khuyên bảo nhưng chị H không thay đổi. Cuối năm 2022 chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Đến nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là cháu Đặng Tiến D, sinh ngày 20/10/2021 hiện nay cháu D đang ở với anh. Ly hôn anh xin nuôi cháu D, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện tại cháu D ở với anh về sức khỏe và tâm lý rất tốt. Anh đảm bảo về điều kiện kinh tế, chỗ ăn ở cho cháu D. Hiện nay anh đang làm Trưởng phòng nhân sự của công ty TNHH J; địa chỉ: Ngõ B đường N, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; Thu nhập ổn định 15.000.000đ/tháng; A và cháu D đang ở cùng với bố mẹ anh; ngoài anh chăm sóc cháu D còn có bố mẹ giúp đỡ anh chăm sóc đưa đón cháu đi học;

Về tài sản chung, tài sản riêng: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ, công sức, đất canh tác: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình Tòa án giải quyết, Tòa án đã triệu tập chị H rất nhiều lần đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng chị H không đến Tòa và không có lý do. Tòa án cùng với chính quyền địa phương đến nhà chị H để làm việc. Khi đến nhà chị H công khóa, gọi không ai thừa. Mẹ chị H là bà Nguyễn Thị N thường xuyên đi làm thuê tại vườn hoa huyện M, Thành phố Hà Nội nên sáng đi làm tối mới về nhà. Tòa án gọi vào số điện thoại 0869789315 là số thuê bao di động của chị H có sự chứng kiến của đại diện chính quyền địa phương. Qua điện thoại chị H cho biết: Chị kết hôn với anh Đặng Ngọc K ngày 20/12/2021 tại UBND xã V, huyện M, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn xong chị về làm dâu và ăn ở chung cùng gia đình anh K. Tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường, được khoảng một năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Đến cuối năm 2022 chị về nhà mẹ đẻ ở vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh K có đơn ly hôn chị, chị đồng ý ly hôn anh K. Về con chung: Chị và anh K có 01 con chung là cháu Đặng Tiến D, sinh ngày 20/10/2021 hiện nay cháu D đang ở với anh K. Cháu D được anh K và gia đình anh K nuôi dưỡng chăm sóc tốt cho

cháu. Ly hôn chị đề nghị anh K tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Về các vấn đề khác chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị có biết việc anh K xin ly hôn chị và tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án nhưng do chị bận công việc nên chị không đến tòa làm việc. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và theo quan điểm chị đã trình bày ở trên.

\* Xác minh tại xã V thể hiện: Về việc đăng ký kết hôn: Ủy ban nhân dân xã V, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc có giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để giới thiệu chị Nguyễn Thị H đến UBND xã V, huyện M, Thành phố Hà Nội làm thủ tục kết hôn với anh Đặng Ngọc K.

Về tình cảm: Sau khi kết hôn xong chị H về làm dâu và ăn ở chung cùng gia đình anh K. Do anh chị không chung sống ở địa phương nên địa phương không nắm được mâu thuẫn vợ chồng của anh chị. Địa phương được biết anh chị chung sống với nhau một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn và chị H về nhà bố mẹ đẻ ở thôn T, xã V ở từ đó cho đến nay. Nay anh K có đơn ly hôn chị H. Quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án kiên trì hòa giải để anh chị về đoàn tụ trường hợp anh chị cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Chị H và anh K có 01 con chung là cháu Đặng Tiến D, sinh ngày 20/10/2021 hiện nay cháu D đang ở với anh K. Ly hôn đề nghị Tòa án xem xét điều kiện kinh tế của anh chị để giao con bảo đảm điều kiện ăn ở, sinh hoạt học tập tốt nhất cho các con. Hiện tại chị H làm nghề tự do. Thu nhập như thế nào thì địa phương không nắm được.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về hộ khẩu thường trú của chị H: Chị Nguyễn Thị H có hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã V, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định, bị đơn không đến Tòa án để làm việc. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đặng Ngọc K, xử cho anh Đặng Ngọc K ly hôn chị Nguyễn

Thị H; Về con chung: Giao cháu Đặng Tiến D, sinh ngày 20/10/2021 (hiện nay cháu D đang ở với anh K) cho anh K chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục; chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh K và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Về án phí: Anh K phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh K có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình, chị H hiện trú tại thôn T, xã V, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với chị Nguyễn Thị H nhưng chị H vẫn không đến Tòa án để làm việc. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2] *Về nội dung:*

*Về quan hệ tình cảm vợ chồng:* Anh Đặng Ngọc K và chị Nguyễn Thị H được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện M, Thành phố Hà Nội đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị H về ăn ở chung cùng anh K và gia đình. Nguyên nhân theo anh K là do vợ chồng tính tình không hợp, chị H tính vẫn trẻ con. Trong lời ăn tiếng nói và cách cư xử với bố mẹ anh không được lễ phép, thiếu sự tôn trọng dẫn đến giữa bố mẹ anh và chị H xảy ra mâu thuẫn. Bản thân anh đã nhiều lần động viên, khuyên bảo nhưng chị H không thay đổi. Cuối năm 2022 chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Từ khi sống ly thân đến khi Tòa án giải quyết, xét xử, giữa hai bên không có sự quan tâm, hàn gắn tình cảm với nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập chị H nhiều lần, nhưng chị H không đến Tòa án làm việc không có lý do. Xét thấy, hôn nhân của anh K và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của anh K, cho anh K ly hôn chị H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

*Về con chung:* Anh K và chị H có 01 con chung là cháu Đặng Tiến D, sinh ngày 20/10/2021 hiện nay cháu D đang ở với anh K. Ly hôn anh K xin nuôi con chung không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Xét thấy: Hiện tại anh K có thu nhập và chỗ ăn ở đảm bảo cho sự phát triển sinh hoạt, học tập của cháu,

mặt khác từ khi anh K, chị H sống ly thân cháu D vẫn được anh K nuôi dưỡng giáo dục. Do vậy Hội đồng xét xử giao con chung là cháu D cho anh K chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với tại các Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Anh K không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*Về tài sản chung, nợ chung, công sức:* Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị H không đến Tòa án để làm việc nên không có yêu cầu, đề nghị gì, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh K xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ vợ chồng:* Cho anh Đặng Ngọc K được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. *Về con chung:* Giao cho anh Đặng Ngọc K được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Đặng Tiến D, sinh ngày 20/10/2021 (hiện nay cháu D đang ở với anh K). Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Anh Đặng Ngọc K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0003092 ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Anh K đã thực hiện xong án phí.

4. *Về quyền kháng cáo:* Anh Đặng Ngọc K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND xã Vạn Yên, H. Mê Linh, TP Hà Nội;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Duy Hưng**